# **PHỤ LỤC I**

**Văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số /KH-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên Văn bản** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Cấp trình** | **Thời gian hoàn thành** | **Yêu cầu cụ thể** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* |
| 1. | Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030 của sở, ban, ngành, địa phương | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan | Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố | Trước ngày 30/12/2021 | Xây dựng các chỉ tiêu cụ thể; xác định nội dung các nhiệm vụ, giải pháp và chương trình, đề án, dự án phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030; phân công cụ thể cơ quan chủ trì, phối hợp và xác định rõ tiến độ thực hiện. |
| 2. | Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021 - 2030 | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan | Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố | Trước ngày 30/12/2021 | Nêu rõ chỉ tiêu, số liệu cụ thể; nội dung nhiệm vụ, công việc cần triển khai trong từng giai đoạn; cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện từng chỉ tiêu phát triển thanh niên và xác định rõ tiến độ thực hiện. |
| 3. | Phát động thi đua; hướng dẫn công tác khen thưởng thành tích thực hiện Chương trình phát triển thanh niên | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Giám đốc Sở Nội vụ | Trước ngày 30/7/2022 |  |
| 4. | Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra,... trong quá trình thực hiện Chương trình phát triển thanh niên (Văn bản hướng dẫn; Kế hoạch 5 năm, hằng năm; kế hoạch sơ kết, tổng kết; Quyết định, Công văn, Chương trình... | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị liên quan | Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; | Hằng năm; trong quá trình thực hiện Chương trình | * Các sở, ngành có văn bản hướng dẫn các địa phương về nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện các chỉ tiêu thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; cách thức lồng ghép chỉ tiêu thống kê về thanh niên theo ngành, lĩnh vực trong hệ thống chỉ tiêu thống kê của các địa phương. * Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên hằng năm có thể được ban hành lồng ghép với văn bản hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ công tác năm của sở, ngành và địa phương. |
| 5. | Hướng dẫn, tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện Chương trình | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Giám đốc  Sở Nội vụ | Trước ngày 28/02/2025 |  |
| 6. | Hướng dẫn tổ chức tổng kết thực hiện Chương trình | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Giám đốc Sở Nội vụ | Trước ngày 30/4/2030 |  |
| 7. | Báo cáo kết quả tổng kết Chương trình | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh | Chủ tịch UBND tỉnh | Trước ngày 30/11/2030 |  |

# **PHỤ LỤC II**

**Triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số /KH-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mục tiêu/chỉ tiêu** | | **Cơ quan chủ trì** | | **Cơ quan phối hợp** | **Tiến độ, kết quả thực hiện** | | | | | | **Ghi chú** | | | |
| **Hằng năm** | | **Giai đoạn I**  **(2021-2025)** | | **Giai đoạn II**  **(2025-2030)** | |
| *(1)* | *(2)* | | *(3)* | | *(4)* | *(5)* | | *(6)* | | *(7)* | | *(8)* | | | |
| **I.** | **Mục tiêu 1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên** | | | | | | |  | |  | |  | | | |
| 1. | Hằng năm, 100% thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | | Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các cơ quan, đơn vị liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | |  | | | |
| 2. | Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên, 80% thanh niên công nhân, 75% thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh | | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | BCHQS chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao | | | |
| 3. | Đến năm 2030, trên 70% thanh niên được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng | | Sở Tư pháp | Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Đài Phát thanh và truyền hình Tây Ninh; Báo Tây Ninh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Tây Ninh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | |  | | Đến năm 2025, đạt 80% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | |  | |
| **II.** | **Mục tiêu 2. Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo** | | | | | |  | |  | |  | |  | |
| 1. | Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm | | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sở Tư pháp; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | |  | |
| 2. | Đến năm 2030, 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương; 70% thanh niên dân tộc thiểu số đạt trình độ trung học cơ sở | Sở Giáo dục và Đào tạo | | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | |  | | Đến năm 2025, đạt 90% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | |  | |
| 3. | Đến năm 2030, tăng 15% số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống; tăng 15% số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì; tăng 10% số thanh niên làm việc trong các tổ chức khoa học, công nghệ (so với năm 2020) | Sở Khoa học và Công nghệ | | Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | |  | | Đến năm 2025, đạt 80% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | |  | |
| 4. | Hằng năm, có ít nhất 20% thanh niên làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số và tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho thanh thiếu dân tộc thiểu số được bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật; phấn đấu đến năm 2030 đạt tỷ lệ 100% | Sở Tư pháp | | Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | |  | |
| **III.** | **Mục tiêu 3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao** | | | | | |  | |  | |  | | |  |
| 1. | Hằng năm, 100% học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp; 100% sinh viên các trường cao đẳng (đại học nếu có) được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số | | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động -  Thương binh và Xã hội | Sở Thông tin và Truyền thông; Đoàn Thanh niên Cộng sản tỉnh | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 2. | Hằng năm, 30% số ý tưởng, dự án khởi nghiệp của thanh niên là học sinh, sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp | | Sở Lao động -  Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh | Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 3. | Đến năm 2030, phấn đấu 80% thanh niên (trong đó có 100% thanh niên xuất ngũ) được tư vấn hướng nghiệp và việc làm; 60% thanh niên (trong đó có 100% thanh niên xuất ngũ) được đào tạo nghề gắn với tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chỗ. Hằng năm, có ít nhất 12.000 thanh niên được giải quyết việc làm | | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo | Sở Nội vụ; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đến năm 2025, đạt 80% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 4. | Đến năm 2030, tỷ lệ thanh niên thất nghiệp ở đô thị dưới 2%; tỷ lệ thanh niên thiếu việc làm ở nông thôn dưới 1,5% | | Sở Lao động -  Thương binh và Xã hội | Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | |  | | Đến năm 2025, đạt 80% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 5. | Đến năm 2030, có ít nhất 70% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên là nạn nhân của tội phạm mua bán người, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng. Phấn đấu tạo việc làm ổn định cho trên 50% thanh niên dân tộc thiểu số; 20% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sau cai nghiện, sau cải tạo | | Sở Lao động -  Thương binh và Xã hội; Công an tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Sở Nội vụ; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh | | |  | | Đến năm 2025, đạt 80% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| **IV.** | **Mục tiêu 4. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ cho thanh niên** | | | | | |  | |  | |  | | |  |
| 1. | Hằng năm, trên 70% thanh niên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS (trong đó: tỷ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đạt 100%; tỷ lệ thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt trên 90%) | | Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động -  Thương binh và Xã hội | Sở Nội vụ; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 2. | Hằng năm, trên 60% thanh niên được tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; 90% cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; 100% nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản | | Sở Y tế | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 3. | Hằng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu; trên 90% thanh niên công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất được khám sức khỏe và chăm sóc y tế định kỳ | | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; | Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Liên đoàn Lao động tỉn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| **V.** | **Mục tiêu 5. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên** | | | | | |  | |  | |  | | |  |
| 1. | Hằng năm, trên 80% thanh niên ở đô thị; 70% thanh niên ở nông thôn; 60% thanh niên dân tộc thiểu số được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 2. | Đến năm 2030, ít nhất 90% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số | | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nội vụ; Công an tỉnh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | |  | | Đến năm 2025, đạt 90% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| **VI.** | **Mục tiêu 6. Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc** | | | | | |  | |  | |  | | |  |
| 1. | Hằng năm, 100% thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự; nghĩa vụ công an nhân dân và lực lượng dân quân tự vệ | | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh | Sở Y tế; Sở Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 2. | Đến năm 2030, phấn đấu 20% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp phòng và tương đương; 15% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý | | Các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố | Các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan | | |  | | Đến năm 2025, đạt 80% chỉ tiêu | | Đến năm 2030 đạt 100% chỉ tiêu | | |  |
| 3. | Hằng năm, 100% tổ chức Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên các cấp và các tổ chức khác của thanh niên được thành lập theo quy định của pháp luật phát động phong trào và huy động thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, xã hội; phát triển kinh tế - xã hội; bảo vệ môi trường; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia | | Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức liên quan | | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | Đạt 100% chỉ tiêu | | |  |